

Bản án số: 116/2024/HS-ST
Ngày 29-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tòng Văn Loan, bà Lò Thị Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 117/2024/TLST-HS ngày 04/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST- HS ngày 15/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn T, sinh ngày 03/8/1994 huyện T, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (Học vấn): 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn Đ, sinh năm 1968 và con bà Quàng Thị D (đã chết); bị cáo có vợ là Tòng Thị V, sinh năm 1997; bị cáo có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Văn T1, sinh ngày 07/11/1989 tại: huyện T, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (Học vấn): 6/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Đoàn thể, đảng phái: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn S, sinh năm 1981 và con bà Quàng Thị N (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 50 phút ngày 03/4/2024, tổ công tác Công an phường T, thành phố S làm nhiệm vụ đường dân sinh cạnh cổng nhà văn hóa tổ E, phường T, thành phố S đã phát hiện và bắt quả tang Quàng Văn T và Quàng Văn T1 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Trong quá trình kiểm tra, T tự giác đưa ra từ lòng bàn tay phải giao nộp 01 gói giấy màu vàng, mở ra bên trong có cục bột màu trắng và 01 gói nilon màu trắng, mở ra bên trong có 01 viên nén màu hồng, hình tròn đồng dạng (T khai nhận là ma túy cất giữ để sử dụng). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Quàng Văn T và Quàng Văn T1, thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngày 04/4/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S thành lập Hội đồng bóc mở niêm phong, cân tịnh và lấy mẫu giám định vật chứng thu giữ của Quàng Văn T, Quàng Văn T1, kết quả: *Số cục bột màu trắng trong gói giấy màu vàng có khối lượng 0,18 gam, trích 0.09 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu Q1, còn lại 0,09 gam lưu kho ký hiệu T. 01 viên nén màu hồng đồng dạng trong gói nilon màu trắng có khối lượng là 0,09 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu Q2.*

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố S ra Quyết định trưng cầu giám định số 449/QĐ-ĐCSKT-MT trưng cầu đối Phòng K Công an tỉnh S giám định chất ma túy đối với mẫu gửi giám định.

Tại kết luận giám định số 843/KL-KTHS ngày 05/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu Q1 là ma túy; loại Heroine; (Heroin), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,09 gam.*

Mẫu ký hiệu Q2 gửi giám định là loại ma túy Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,09 gam; Khối lượng ma túy thu giữ là 0,09 gam; loại Methamphetamine.

Tổng khối lượng thu giữ là 0,18 gam; loại Heroine (H), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; 0,09 gam, loại Methamphetamine"

Tại bản Cáo trạng số 276/CT-VKSTP ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã truy tố Quàng Văn T và Quàng Văn T1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo trình bày ý kiến giữ nguyên lời khai của mình, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Các bị cáo trình bày bản thân là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đề nghị được miễn án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Quàng Văn T và Quàng Văn T1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm i khoản

1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử lý đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt Quảng Văn T từ 14 (mười bốn) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04/4/2024.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt Quảng Văn T1 từ 14 (mười bốn) tháng đến 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 04/4/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh giấy màu vàng; Mẫu lưu T = 0,09 gam được niêm phong trong 01 phong bì công văn Công an thành phố S.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Quảng Văn T và Quảng Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Khoảng 06h00 ngày 03/4/2024 Quảng Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda wave màu đen biển kiểm soát 26M1 - 303.50 từ nhà tại bản B, xã C, huyện T, tỉnh Sơn La đến nhà Quang Văn T người cùng bản để cùng nhau xuống thành phố S làm thuê tại quán P thuộc tổ E, phường T, thành phố S. Đến khoảng 18h00 cùng ngày, sau khi hết giờ làm thuê T rủ T1 cùng nhau góp tiền mỗi người 150.000 đồng để đi tìm mua ma túy về sử dụng. T1 đồng ý nhưng do T1 chưa có tiền nên bảo T ứng ra trước, T đồng ý sau đó T và T1 đi bộ vào một ngõ nhỏ cạnh nhà văn hóa tổ E, phường T, thành phố S và gặp một người nam giới không quen biết đang đứng bên đường dáng người gầy giống người sử dụng ma túy T và T1 đi bộ lại gần, T hỏi mua ma túy. Qua trao đổi T1 đã mua được của người thanh

niên đó 01 gói giấy màu vàng mở gói giấy màu vàng ra bên trong có cục bột màu trắng và 01 gói nilon màu trắng mở gói nilon màu trắng ra bên trong có 01 viên nén màu hồng hình tròn đồng dạng với số tiền 300.000 đồng. Sau khi mua bán ma túy xong người nam giới đó bỏ đi đâu T và T1 không biết, còn T cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải rồi đi bộ cùng T1 tìm nơi sử dụng khi đang đi ở khu vực tổ E, phường T, thành phố S thì bị tổ công tác công an phường T, thành phố S phát hiện bắt quả tang, thu giữ ma túy và niêm phong.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ:

- Lời khai nhận tội của các bị cáo;
- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 20 giờ 00 phút ngày 03/4/2024 tại khu vực tổ E, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La đối với các bị cáo cùng vật chứng thu giữ;
- Biên bản niêm phong vật chứng; Biên bản mở niêm phong kiểm tra vật chứng và niêm phong lại; Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh vật chứng lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại; Kết luận giám định số 843/KL-KTHS ngày 05/4/2024 của phòng K - Công an tỉnh S.

Và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Các bị cáo Quàng Văn T và Quàng Văn T1 có hành vi tàng trữ 0,18 gam heroine và 0,09 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, thấy rằng:

[3.1] *Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do lỗi cố ý.

[3.2] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[3.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên toà ngày hôm nay đều có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.4] *Về nhân thân:* Các bị cáo Quàng Văn T và Quàng Văn T1 có nhân thân tốt, trước lần phạm tội chưa bị xét xử về hành vi phạm tội nào khác và chưa bị xử phạt hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

[3.5] *Xét vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án đồng phạm ở thể giản đơn, trong đó: bị cáo Quàng Văn T là người rủ rê, lôi kéo Quàng Văn T1 cùng tham gia mua ma túy để sử dụng, cho Quàng Văn T1 vay tiền, chủ động hỏi và tìm nơi mua ma túy, trực tiếp trao đổi mua ma túy, giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Quàng Văn T1 sau khi được Quàng Văn T rủ rê cùng mua ma

tuý về sử dụng đã nhất trí, dù không có tiền nhưng đề nghị Quảng Văn T cho vay tiền để góp cùng tiền mua ma tuý, giữ vai trò là người thực hành tích cực trong vụ án.

Từ những đánh giá và nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng: Bị cáo Quảng Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma tuý là 0,18 gam heroine và 0,09 gam Methamphetamine, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; do vậy cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo Quảng Văn T mức án 14 (mười bốn) tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Quảng Văn T1 phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma tuý là 0,18 gam heroine và 0,09 gam Methamphetamine, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, cần xem xét xử phạt bị cáo ở mức mức án 13 (mười ba) tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đặc điểm nhân thân của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma tuý, bản thân không có công việc và thu nhập ổn định và không có tài sản gì có giá trị, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về nguồn gốc 0,18 gam heroine và 0,09 gam Methamphetamine bị thu giữ, Quảng Văn T và Quảng Văn T1 khai là một người đàn ông không quen biết có biểu hiện giống người nghiện với giá 300.000 đồng ở khu vực khu vực tổ E, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La . Ngoài lời khai của bị cáo không còn chứng cứ nào khác chứng minh, do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố S không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án.

[6] Về vật chứng của vụ án: 0,09 gam Heroine còn lại thu giữ trong vụ án sau khi đã lấy mẫu gửi giám định. Xét thấy là vật Nhà nước cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng, do đó cần tuyên tịch thu, tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[7] Về án phí: Do hành vi phạm tội của các bị cáo nên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Xử phạt bị cáo Quảng Văn T 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2024.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Xử phạt bị cáo Quảng Văn T1 13 (mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh màu giấy; 01 mảnh nilon màu trắng; Mẫu lưu T = 0,09 gam.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố S và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Quảng Văn T và bị cáo Quảng Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2024).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga